

Số: 36/2018/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 13 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định mức hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 969/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ: TC, LĐ-TB-XH, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban, các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình, Đài PT - TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Đăng Quang

QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Nội dung và mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo

1. Đối tượng nhận hỗ trợ

Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vùng bãi ngang, xã ĐBKK và thôn ĐBKK thuộc Chương trình 135 và các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135, trong đó: ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật còn khả năng lao động thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo tham gia dự án.

2. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

Thực hiện theo Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

3. Chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

- a) Mức hỗ trợ dự án, mô hình: Tối đa 300 triệu đồng/dự án hoặc mô hình.
- b) Mức chi xây dựng và quản lý dự án: Không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.
- c) Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn theo tính chất từng dự án, mô hình: Nội dung và mức chi hỗ trợ quy định tại Điều 3 Quy định này.

Điều 3. Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn theo tính chất từng dự án, mô hình

1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ

- Đối với dự án trồng trọt: Hỗ trợ giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc, nông cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch;

- Đối với dự án chăn nuôi: Hỗ trợ giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin tiêm phòng, máy móc, công cụ sản xuất;

- Đối với dự án lâm nghiệp: Hỗ trợ lần đầu giống cây lâm nghiệp theo quy trình trồng rừng sản xuất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón;

- Đối với dự án ngư nghiệp (khai thác): Hỗ trợ hầm bảo quản;

- Đối với dự án nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản, ngư cụ đánh bắt;

- Đối với dự án diêm nghiệp: Hỗ trợ cát, bạt, máy móc, công cụ sản xuất muối, cải tạo hệ thống cấp, tiêu nước.

b) Định mức hỗ trợ thực hiện dự án

Mức hỗ trợ trực tiếp: Hộ nghèo không quá 10 triệu đồng/hộ; hộ cận nghèo không quá 08 triệu đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo không quá 06 triệu đồng/hộ.

Nguyên tắc hỗ trợ: Mức hỗ trợ hộ mới thoát nghèo không vượt quá mức hỗ trợ hộ cận nghèo, mức hỗ trợ hộ cận nghèo không vượt quá mức hỗ trợ hộ nghèo.

Tổng kinh phí hỗ trợ cho các hộ gia đình tham gia dự án hoặc mô hình không vượt quá mức hỗ trợ tối đa cho một dự án hoặc mô hình.

2. Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm phù hợp với điều kiện và phát triển kinh tế xã hội của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mức hỗ trợ thực hiện:

Mức hỗ trợ bằng 30% giá trị hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ chi tiêu hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án hoặc mô hình.

Điều 4. Đối với mức hỗ trợ các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Thông tư 15/2017/TT-BTC, tùy thuộc vào tình hình ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cụ thể để triển khai thực hiện và báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 5. Thời gian thực hiện: Từ năm 2018 đến 2020./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Đăng Quang